

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 169/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Trương Hữu N**; sinh năm: 1969

Địa chỉ: Khu vực A, phường K, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* **Phạm Thị K**; sinh năm: 1973

Địa chỉ: Khu vực B, phường K, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trương Hữu N và bà Phạm Thị K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Ông Trương Hữu N và bà Phạm Thị K thuận tình ly hôn

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Trương Bửu N; giới tính: Nữ; sinh ngày: 12/7/1992 và Trương Bửu K; giới tính: Nam; sinh ngày: 09/11/1994. Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự thống nhất thoả thuận: Bà Phạm Thị K nhận hiện vật là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 233399; Số vào sổ cấp GCN: CH-01298 thuộc thửa số 114, tờ bản đồ số: 5; Địa chỉ: Khu vực III, phường K, thành phố K, tỉnh Hậu Giang (Nay là Khu vực III, phường K, thành phố Cần Thơ); Diện tích: 135,4m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Cấp ngày

19/11/2013 do Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà Phạm Thị K. Bà Phạm Thị K có trách nhiệm giao lại giá trị căn nhà với tổng số tiền là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) cho ông Trương Hữu N.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Trương Hữu N tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 150.000 đồng (Một trăm năm chục ngàn đồng) được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005948 ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Hậu Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Cần Thơ) thành án phí. Số tiền còn lại 150.000 đồng (Một trăm năm chục ngàn đồng) nguyên đơn được nhận lại.

- *Về án phí chia tài sản*: Nguyên đơn ông Trương Hữu N tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng) được khấu trừ từ 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005949 ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Hậu Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Cần Thơ) thành án phí. Số tiền còn lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nguyên đơn được nhận lại.

- *Về chi phí tố tụng*: Nguyên đơn ông Trương Hữu N phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 25.100.000 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng) được khấu trừ từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp tại Tòa án. Ông Trương Hữu N được nhận lại 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng) tại Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:*

THẨM PHÁN

- TAND thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 13 – Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13 – Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhung